

Số: 1047/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2025

V/v cung cấp báo giá VTTT-Dự phòng phần
Cơ nhiệt - Valve (Phần 2) – 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp báo giá

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu mua sắm VTTT-Dự phòng phần Cơ nhiệt - Valve (Phần 2) – 2025. Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính gửi Quý Công ty quan tâm, cung cấp báo giá cho hàng hóa nêu trên, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục Đính kèm;
- Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây;
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác.

2. Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ tốt nhất có thể để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao nhận hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 06./.06../2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: hunglt@pvpgb.vn; minhmq01@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; giangth@pvpgb.vn; hanhbx@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMNĐ SH1 (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (NQM).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC

Danh mục hàng hóa mua sắm “VTTC-Dự phòng phần Cơ nhiệt - Valve (Phần 2) – 2025”

(Đính kèm Công văn số 1027/NMĐSH1-KTATMT ngày 21 / 5 /2025)

STT	Tên vật tư/ Mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu	Mã vị trí/ vị trí lắp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
1.2	Steam & Water System						
1.2.2	Control Valve						
1.2.2.1	Globe valve (1st/2st Stage Attemperator A/B Spray Water Control Valve)	Model: BV990 Size: 3" Class; 2500 Serial Number: 23637	Weir		EU/G7/OECD		
1.2.2.1.3	Seal	GRAPHITE		No: 12		8	SET
1.2.2.1.4	Seal Scraper	316 ST.ST.		No: 13		8	SET
1.2.2.1.5	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 14		8	PC
1.2.2.1.6	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 15		8	PC
1.2.2.1.7	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 16		8	PC
1.2.2.1.8	Packing	GRAFOIL		No: 17		8	SET
1.2.2.1.9	Packing Follower	316 ST.ST.		No: 18		8	PC
1.2.2.2	Globe valve (1st/2st Stage Attemperator A,B Spray Water Shut-off Valve)	Model: BV990 Size: 4" Class; 2500 Serial Number: 23677	Weir		EU/G7/OECD		
1.2.2.2.1	Seal	GRAPHITE		No: 11		2	SET
1.2.2.2.2	Seal Scraper	316 ST.ST.		No: 12		2	SET
1.2.2.2.3	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 13		2	PC
1.2.2.2.4	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 14		2	PC
1.2.2.2.5	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 15		2	PC
1.2.2.2.6	Packing	GRAFOIL		No: 16		2	SET
1.2.2.4	Globe valve (Reheater Attemperator A,B Spray Water Shut-off Valve)	Model: BV990 Size: 3" Class; 1500 Serial Number: 23681	Weir		EU/G7/OECD		
1.2.2.4.1	Plug	A479-316 ST.ST. + Gr.6 STE.FACE + Cr Plating		No: 5		1	PC
1.2.2.4.2	Stem	A479-316 ST.ST.		No: 9		1	PC
1.2.2.4.3	Plug steam pin	316 ST.ST.		No: 10		1	PC
1.2.2.4.4	Seal	CARBON PTFE 'U' SEAL		No: 11		2	SET
1.2.2.4.5	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 12		2	PC
1.2.2.4.6	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 13		2	PC
1.2.2.4.7	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 14		2	PC
1.2.2.4.8	Packing	PTFE		No: 15		2	SET
1.2.2.5	SSV Warming Drain Control Valve	Model: BV990 Size: 2" Class; 2500 Serial Number: 23633	Weir		EU/G7/OECD		
1.2.2.5.1	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 8		2	PC
1.2.2.5.2	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 9		2	PC
1.2.2.5.3	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 10		2	PC
1.2.2.5.4	Packing	GRAFOIL		No: 11		2	SET
1.2.2.6	Recirculating Water Control Valve	Model: BV990 Size: 14" Class; 2500 Serial Number: 23632	Weir		EU/G7/OECD		
1.2.2.6.1	Seal	GRAPHITE		No: 11		1	SET
1.2.2.6.2	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 13		1	PC
1.2.2.6.3	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 14		1	PC
1.2.2.6.4	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 15		1	PC
1.2.2.6.5	Packing	GRAFOIL		No: 16		1	SET
1.2.2.7	Sootblowing Drain Shut-off Valve	Model: BV500 Size: 2" Class; 600 Serial Number: 23704	Weir		EU/G7/OECD		
1.2.2.7.1	Seat Spacer Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 11		2	PC
1.2.2.7.2	Cage Spacer Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 13		2	PC
1.2.2.7.3	Bonnet Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 14		2	PC

100687
HÀNH
DIỆN DẦU K
IN CÔNG NGH
LƯỢNG QUỐC
VIỆT NAM
PHỐ HÀ

STT	Tên vật tư/ Mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu	Mã vị trí/ vị trí lắp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
1.2.2.7.4	Cage Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 15		2	PC
1.2.2.7.5	Seat Gasket	304 ST.ST. & GRAPHITE		No: 16		2	PC
1.2.2.7.6	Packing	GRAFOIL		No: 17		2	SET

Yêu cầu khác:

Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế/spare part các van thuộc hệ thống hơi nước, là một trong những Hệ thống chính của Nhà máy. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.

mr

